

THAY ĐỔI SỬ DỤNG ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, ĐẤT LÂM NGHIỆP Ở TỈNH ĐẮK NÔNG GIAI ĐOẠN 2000-2012

Lưu Văn Năng^{1*}, Nguyễn Thanh Lâm², Trần Đức Viên²

¹Tổng cục Quản lý Đất đai; ²Khoa Môi trường, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Email*: lvnang@gdla.gov.vn / luuvannang@yahoo.com

Ngày gửi bài: 12.11.2013

Ngày chấp nhận: 28.12.2013

TÓM TẮT

Tỉnh Đắk Nông mới được thành lập từ năm 2004 đến nay. Việc thay đổi sử dụng đất theo xu hướng đất sản xuất nông nghiệp (SXNN) tăng và đất lâm nghiệp có rừng (gọi chung là đất lâm nghiệp) giảm đã diễn ra mạnh mẽ trong thời gian từ năm 2000 đến nay. Qua nghiên cứu cho thấy tổng diện tích đất lâm nghiệp mất đi giai đoạn này là 131.725 ha (chiếm 20% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh) và đây là con số đáng báo động do vị trí địa lý đặc thù nên mất rừng ở Đắk Nông sẽ ảnh hưởng tới môi trường sinh thái không những trong tỉnh mà còn ảnh hưởng tới những vùng lân cận ở miền Trung và Đông Nam Bộ. Với phương pháp điều tra số liệu thông qua phỏng vấn nông hộ và làm việc với các sở, ngành và các phòng ban chuyên môn các huyện trong tỉnh cũng như tham vấn các nhà khoa học đã tìm hiểu được nguyên nhân chính của quá trình thay đổi sử dụng đất này, từ đó đã đề xuất những nhóm giải pháp như về chính sách, về quản lý sử dụng đất, về đào tạo và tuyên truyền nhằm dần đưa việc quản lý tài nguyên đất đai đi vào ổn định trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Từ khóa: Thay đổi sử dụng đất, diện tích rừng, đất sản xuất nông nghiệp, tỉnh Đắk Nông.

Changes in Agricultural and Forest Land Use in Daknong Province from 2000 To 2012

ABSTRACT

Dak Nong Province, a newly established province in the central highland, has on going processes of land use changes in both agriculture production and forestry land from 2000 to present. The research showed that the total area of forest land lost at this stage is estimated at 131,725 ha (approximately 20% of total natural area of the province). This is an alarming figure due to the specific geographic location and, the deforestation in Dak Nong will affect the ecological environment not only in the province but also the surrounding regions in Central and Southeast provinces. Investigation through household interviews and working with related departments at provincial and district levels as well as consulting the scientists, the research identified the trend of arable and forest land use as well as the main cause of losing forest in the period from 2000 to 2012. The solutions to agricultural and forest land use in Dak Nong province were also proposed.

Keywords: Land use changes, agriculture production land, forest land, Dak Nong province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đắk Nông được thành lập theo Nghị quyết số 22/NQ-QH11 của Quốc hội từ tháng 1 năm 2004. Tình trạng quản lý đất đai không chặt chẽ kết hợp với nguồn tài nguyên đất đai màu mỡ cho phát triển sản xuất nông nghiệp đã dẫn đến diện tích đất lâm nghiệp có rừng ở tỉnh Đắk

Nông bị mất lớn nhất so với các tỉnh Tây Nguyên trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2012. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường (2012), từ năm 2000 đến 2012, diện tích đất lâm nghiệp Tây Nguyên mất đi 185.780 ha thì riêng tỉnh Đắk Nông đã mất 131.725 ha. Đã có một số nghiên cứu của Dương Văn Duy và cs. (2010) tìm hiểu về thực trạng và đề xuất sử dụng bền

vững đất cây công nghiệp dài ngày; nghiên cứu của Nguyễn Huy Hoàng (2009) về một số giải pháp hành chính nhà nước nhằm quản lý rừng ở Tây Nguyên; nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phương và Trương Công Cường (2012) về thực trạng canh tác trên đất dốc tỉnh Đắk Nông, tuy nhiên những nghiên cứu này mang tính chất đánh giá xu hướng cho cả vùng Tây Nguyên hoặc một nghiên cứu cụ thể cho một loại đất của tỉnh Đắk Nông và đến nay cũng chưa có nghiên cứu nào về thay đổi sử dụng đất SXNN và đất lâm nghiệp từ năm 2000 đến nay. Nghiên cứu này sẽ thể hiện được thay đổi sử dụng đất SXNN, đất lâm nghiệp và mối tương quan thay đổi sử dụng đất này cũng như đề xuất các giải pháp tổng hợp nhằm góp phần sử dụng hợp lý tài nguyên đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thu thập thông tin tài liệu thứ cấp thông qua các cơ quan quản lý chuyên ngành về đất đai, môi trường, quản lý - bảo vệ rừng và nông nghiệp ở Trung ương, ở tỉnh Đắk Nông và các huyện trong tỉnh Đắk Nông.

Điều tra, phỏng vấn 300 nông hộ cho từng loại hình, kiểu sử dụng đất nhằm xác định nhóm những loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp nào có ảnh hưởng tới đất lâm nghiệp.

Trao đổi, tham vấn, trưng cầu ý kiến của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các chuyên gia có kiến thức và kinh nghiệm về nghiên cứu biến động sử dụng đất, hệ thống cây trồng cũng như quản lý đất đai bền vững;

Phân tích, xử lý tài liệu, số liệu: Sử dụng các phần mềm tin học như Excel, Access, Mapinfo để tổng hợp và tính toán sự thay đổi diện tích qua các thời kỳ cũng như ảnh hưởng của sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tới tài nguyên rừng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và đất đai tỉnh Đắk Nông

Đắk Nông thuộc vùng Tây Nam của Tây Nguyên, có vị trí địa lý tiếp giáp với các tỉnh Đắk Lắk; Bình Phước; Lâm Đồng và Vương quốc

Campuchia với ba dạng địa hình chính là địa hình vùng núi, địa hình cao nguyên rất thích hợp với trồng cây công nghiệp lâu năm, phát triển lâm nghiệp và địa hình thấp (chiếm diện tích nhỏ) thích hợp cho việc phát triển cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày.

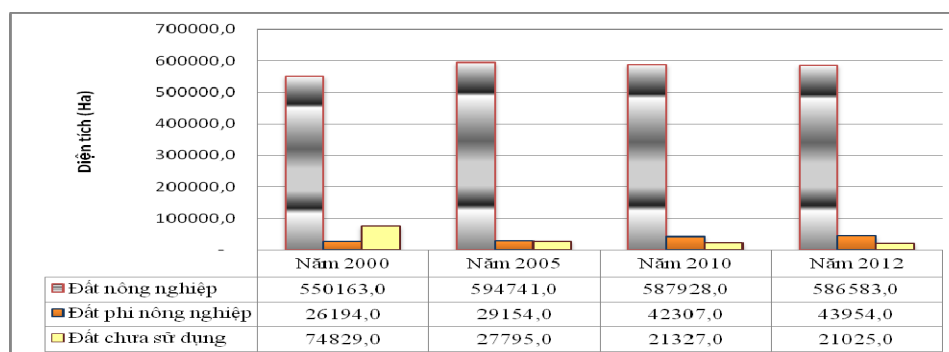
Khí hậu trong năm có hai mùa là mùa khô và mùa mưa tương đối rõ ràng: Mùa mưa kéo dài 7 tháng, từ tháng 4 đến hết tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến hết tháng 3 năm sau.

Đến năm 2012 dân số trung bình của tỉnh Đắk Nông là 538.034 người với khoảng 40 dân tộc cùng sinh sống, trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh (67%), M'Nông (9,13%), Nùng (5,4%), các dân tộc khác Tày, Thái, Ê Đê, ... chiếm tỉ lệ nhỏ. Từ năm 2000 đến nay dân số của tỉnh tăng hơn 210.886 người, trong đó theo UBND tỉnh Đắk Nông (2013), dân di cư tự do đã chiếm tới 108.509 người. Chính lượng dân số tăng nhanh và chủ yếu từ nơi khác tới nên ảnh hưởng rất lớn đến việc thay đổi sử dụng đất ở tỉnh.

Về phát triển kinh tế, đến hết năm 2012, cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp chiếm 56,89%; công nghiệp - xây dựng đạt 21,48%, dịch vụ đạt 21,63% với thu nhập bình quân đầu người đã đạt 27,23 triệu đồng/năm. Cho đến nay, Đắk Nông vẫn là tỉnh nghèo với các nhu cầu phát triển hạ tầng kinh tế xã hội rất lớn và chính điều này đã và đang gây áp lực trong việc quản lý đất đai ở địa phương.

Về đất đai, theo Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (2006), toàn tỉnh Đắk Nông có 8 nhóm đất gồm đất bãi cát, đất phù sa, đất xám, đất đen, đất thung lũng, đất đỏ vàng, đất mùn vàng đỏ trên núi, đất xói mòn trơ sỏi đá và đất mặt nước (trong đó đáng chú ý là đất đỏ vàng có diện tích 537.079 ha, chiếm tới hơn 82% đất tự nhiên toàn tỉnh). Độ dày tầng đất từ 70cm trở lên toàn tỉnh chiếm khoảng 67%. Cũng theo nghiên cứu của Tổng cục Quản lý đất đai (2010), với loại đất và độ dày tầng đất như trên rất phù hợp với phát triển cây những loại cây công nghiệp dài ngày.

Đến năm 2012, tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 651.562 ha, trong đó đất nông nghiệp có 586.583 ha, đất phi nông nghiệp có 43.954 ha và đất chưa sử dụng có 21.025 ha (Hình 1). Trong



Hình 1. Cơ cấu sử dụng đất tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2000-2012

quỹ đất nông nghiệp thì đất sản xuất nông nghiệp và đất lâm nghiệp có đến 584.891 ha (chiếm 89,8% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh). So với năm 2000 thì hầu hết cơ cấu về diện tích các loại đất đều thay đổi, kể cả diện tích tự nhiên toàn tỉnh, theo Bộ tài nguyên và Môi trường (2012) có thay đổi diện tích tự nhiên là do quá trình cập nhật những khu vực đã đo vẽ bản đồ địa chính.

3.2. Hiện trạng và thay đổi sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp tỉnh Đắk Nông

Sau khi tổng hợp, rà soát và phân tích, kết quả nghiên cứu về biến động sử dụng đất sản xuất nông nghiệp và đất rừng được trình bày ở bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy:

- Về đất sản xuất nông nghiệp: Trong giai đoạn từ 2000 đến nay, tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp tăng 164.468 ha (trung bình mỗi năm đất nông nghiệp tăng gần 14.000 ha), chiếm khoảng 25% tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh.

Nhóm đất sản xuất nông nghiệp đáng lưu ý là có sự gia tăng diện tích mạnh đối với đất nương rẫy và đất trồng cây công nghiệp lâu năm.

Việc thay đổi sử dụng đất sản xuất nông nghiệp diễn ra mạnh nhất ở các huyện Đắk Long, Đắk Song, Krông Nô và Tuy Đức với nhiều nguyên nhân khác nhau như (i) do tác động của các chính sách quy hoạch bố trí đất sản xuất nông nghiệp của Nhà nước (bố trí

Bảng 1. Thay đổi diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất lâm nghiệp giai đoạn 2000-2012 tỉnh Đắk Nông (Đơn vị tính: ha)

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2012	Thay đổi 2000-2012
1	Đất sản xuất nông nghiệp	154.997	223.484	306.749	319.466	164.468
1.1	Đất trồng cây hàng năm	46.485	90.320	106.620	111.086	64.601
	Đất trồng lúa	6.643	9.800	8.767	8.817	2.174
	Đất nương rẫy	39.842	76.465	82.924	97.160	57.318
	Đất trồng cây hàng năm khác	2.779	4.054	14.929	5.110	2.331
1.2	Đất trồng cây lâu năm	108.512	133.164	200.129	208.379	99.867
	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	86.049	126.227	193.455	200.050	114.001
	Đất trồng cây ăn quả lâu năm và trồng cây lâu năm khác	22.463	6.937	6.674	8.329	-14.134
2	Đất lâm nghiệp	397.150	370.546	279.510	265.425	-131.725
2.1	Rừng sản xuất	266.852	249.904	212.752	198.684	-68.168
2.2	Rừng phòng hộ	101.860	92.426	37.500	37.484	-64.376
2.3	Rừng đặc dụng	28.438	28.217	29.258	29.258	820

Nguồn: Thống kê, kiểm kê đất đai qua các năm

đất sản xuất nông nghiệp để giao cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ theo Quyết định số 132/QĐ-TTg, Quyết định số 134/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; bố trí tái định canh các công trình thủy điện Đăk R'tih, thủy điện Buôn Tua Srah, thủy điện Buôn Kuốp,...); (ii) Do việc tự khai thác, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trái phép từ các loại đất khác sang đất sản xuất nông nghiệp

- Về đất lâm nghiệp: Tính từ năm 2000 đến nay, diện tích đất lâm nghiệp giảm 131.725 ha trong đó tập trung chủ yếu vào đất rừng tự nhiên (giảm mạnh đất rừng sản xuất và đất rừng phòng hộ), tuy nhiên tốc độ mất rừng có chiều hướng tăng mạnh trong những năm gần đây, theo thống kê giai đoạn từ năm 2000 đến 2005, toàn tỉnh mất khoảng 26.700 ha rừng thì trong giai đoạn từ 2005 đến nay diện tích rừng mất đi toàn tỉnh đã hơn 105.000 ha.

Qua nghiên cứu cho thấy, diện tích đất lâm nghiệp mất đi trong giai đoạn vừa qua bao gồm hai dạng cơ bản là:

+ Diện tích mất do chuyển đổi mục đích sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép để sử dụng đất cho các mục đích phát triển kinh tế xã hội tại địa phương cũng như các mục đích ổn định đồng bào di cư và người dân tộc thiểu số: Từ năm 2000 đến 2012, toàn tỉnh đã có 82 dự án chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp sang các mục đích khác với tổng diện tích rừng tự nhiên chuyển đổi là 10.900 ha.

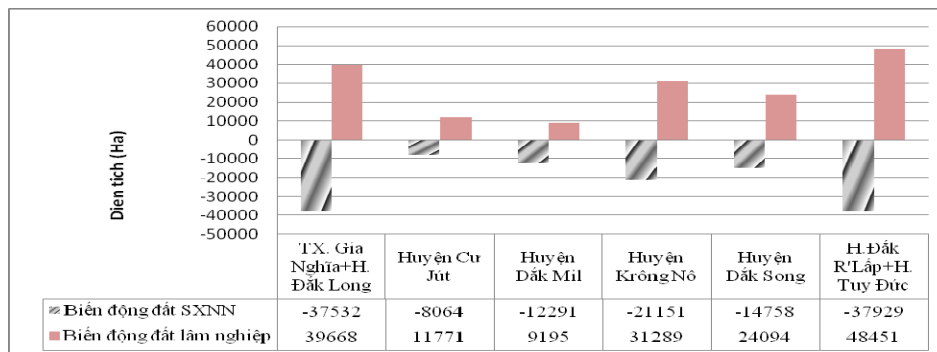
+ Diện tích mất do tình trạng chưa kiểm soát được của chính quyền địa phương: Đây là nguyên nhân chính trong việc mất rừng thời gian qua tại tỉnh với những lý do như tự ý chặt

phá rừng để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, do cháy rừng, do khai thác trái phép,... Qua tổng hợp số liệu cho thấy tổng diện tích rừng mất do nguyên nhân này khoảng 120.000 ha (trung bình mỗi năm mất khoảng 10.000 ha). Việc mất rừng do chưa kiểm soát được của chính quyền địa phương có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan do hầu hết diện tích rừng hiện có của tỉnh (213.517 ha) đang do các công ty lâm nghiệp hoặc các Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý và khai thác trong khi việc quản lý mới ở trên giấy, ranh giới cụ thể ở thực địa chưa được xác định rõ ràng và đây chính là lỗ hổng lớn trong việc mất rừng nhưng chủ rừng chưa kiểm soát được.

Hình 2 cho thấy, việc thay đổi sử dụng đất lâm nghiệp giảm mạnh nhất ở các huyện Đăk Long, Đăk Song, Krông Nô và Tuy Đức, điều này cho thấy mối tương quan mật thiết giữa đất lâm nghiệp với đất sản xuất nông nghiệp ở các huyện này vì đây là những huyện có đất sản xuất nông nghiệp tăng nhanh nhất, việc tăng diện tích nhóm đất này thì sẽ làm giảm nhóm đất kia và ngược lại.

3.3. Tác động thay đổi sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đến đất rừng

Trong những năm gần đây, dân số trong tỉnh tăng nhanh cộng với nhu cầu của thị trường nên người dân đã khai phá rừng để chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang sản xuất lương thực và trồng những loại cây có khả năng thu lợi nhuận cao như cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày,...



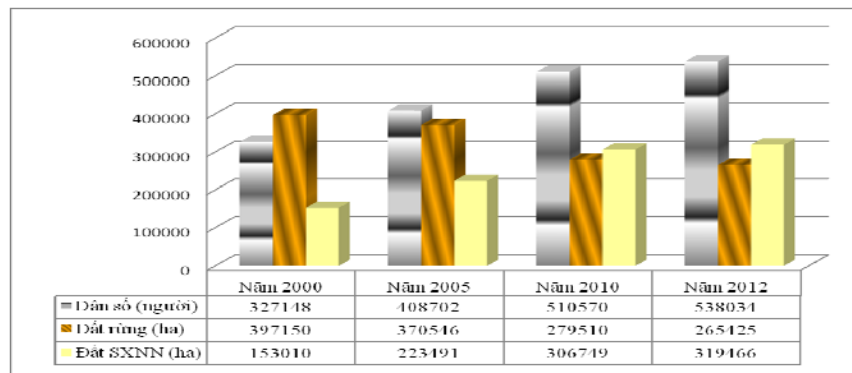
Hình 2. Tương quan biến động 2000-2012 đất lâm nghiệp và đất rừng tỉnh Đắk Nông

Qua nghiên cứu cho thấy việc mất rừng có liên quan chặt chẽ tới việc gia tăng dân số ở tỉnh, việc gia tăng số dân di cư tự do từ nơi khác tới (108.509 người) đã làm cho một diện tích rất lớn rừng đã bị mất do những dân di cư tự do là người nghèo và khi đến định cư tại Đắk Nông họ thường vào trong những khu rừng tự nhiên. Trong thời gian đầu để có đất canh tác phục vụ sinh kế trước mắt, họ thường chặt phá một diện tích rừng nhất định để canh tác hoặc phá rừng lấy gỗ bán để tồn tại và đây là nguyên nhân chính dẫn nhiều diện tích rừng bị mất thời gian qua.

Tác động của quá trình mở rộng diện tích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đối với đất rừng,

qua nghiên cứu cho thấy trong quá trình sử dụng và mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp có một số loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp được người dân tăng diện tích bằng cách khai phá rừng để chuyển đổi mục đích sử dụng, tuy nhiên cũng có một số loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trong quá trình mở rộng diện tích hầu như không có tác động đến đất rừng.

Tổng hợp kết quả điều tra 300 phiếu tại các nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã phân nhóm và xác định nguyên nhân mở rộng diện tích giai đoạn vừa qua của một số loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp chính trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Bảng 2).



Hình 3. Tương quan biến động 2000-2012 dân số -đất rừng-đất sản xuất nông nghiệp

Bảng 2. Đặc điểm một số loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp chính tỉnh Đắk Nông

STT	Loại hình SDD điều tra	Nội dung				
		Địa hình	Loại đất	Độ dốc /tầng đất	Tươi tiêu	Nguyên nhân tăng diện tích
1	Đất trồng chuyên lúa	Bằng phẳng	đất phù sa, đất bãi cát, cồn cát	Tầng đất dày >30cm Độ dốc 0-5 ⁰	Chủ động	Mở rộng DT bằng phẳng gần hồ đập.
2	Đất trồng lúa màu	Bằng phẳng	đất phù sa, đất đen, đất thung lũng,	Tầng đất dày >30cm Độ dốc 0-5 ⁰	Chủ động	Mở rộng DT bằng phẳng gần hồ đập
3	Đất trồng chuyên màu và cây công nghiệp ngắn ngày	Bằng phẳng	đất đỏ vàng, đất phù sa, đất đen, đất thung lũng	Tầng đất dày >30cm Độ dốc 0-5 ⁰	Chủ động	Chuyển đổi từ đất cây lâu năm; đất bằng chưa sử dụng và đất nương rẫy
4	Đất trồng cây hàng năm trên nương rẫy	Dốc	đất đỏ vàng, đất đen, đất xám	Tầng đất dày >30cm Độ dốc 0-30 ⁰	Không chủ động	Chuyển đổi mục đích từ đất rừng
5	Loại hình cây công nghiệp dài ngày	Dốc	đất đỏ vàng, đất đen, đất xám	Tầng đất dày >30cm Độ dốc 0-25 ⁰	Chủ động	Chuyển đổi mục đích từ đất rừng
6	Loại hình cây ăn quả	Bằng phẳng	đất đỏ vàng, đất đen, đất xám	Tầng đất dày >30cm Độ dốc 0-15 ⁰	Chủ động	Chuyển đổi mục đích từ đất nương rẫy và cây CN dài ngày

Nguồn: Số liệu điều tra (2012)

- Nhóm những loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có tác động ít đến đất rừng trong quá trình mở rộng diện tích canh tác gồm những loại hình đất trồng chuyên lúa; đất lúa màu; đất chuyên màu và cây công nghiệp hàng năm.

- Nhóm những loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có tác động theo chiều hướng lấn vào đất rừng trong quá trình mở rộng diện tích canh tác gồm đất trồng cây hàng năm trên đất nương rẫy và loại hình cây công nghiệp dài ngày. Riêng đối với loại hình cây ăn quả mặc dù trong giai đoạn nghiên cứu không trực tiếp lấn vào đất rừng trong quá trình mở rộng diện tích nhưng do được chuyển đổi từ đất nương rẫy và cây CN dài ngày nên loại hình này cũng gián tiếp ảnh hưởng tới đất rừng.

Cũng qua đánh giá mở rộng diện tích các loại hình sản xuất nông nghiệp, việc tăng diện tích loại hình đất cây hàng năm trên đất nương rẫy, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả có quan hệ rất mật thiết với việc mất diện tích đất lâm nghiệp theo chiều hướng tỷ lệ nghịch (diện tích rừng mất thì những loại hình sử dụng đất này tăng).

Cũng qua bảng 2 cho thấy mất rừng ở Đắk Nông có liên quan chặt chẽ với việc phát triển những loại hình sử dụng đất như cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả và loại hình sử dụng đất tạo sinh kế cho những người di cư tự do là canh tác nương rẫy. Do đó, căn cứ vào đặc điểm của từng loại rừng đã mất đi để có những phương án xử lý hiệu quả, cụ thể:

- Rừng phòng hộ ở Đắk Nông ngoài chức năng là bảo vệ đất thì có chức năng chính là bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái, điều hòa chế độ giữ nước mùa khô và mùa mưa. Do vậy, trong một số trường hợp đặc biệt, giảm đất rừng phòng hộ để chuyển đổi mục đích sử dụng sang làm hồ chứa nước cho thủy điện hoặc hồ chứa nước thông thường Tuy nhiên, trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang trồng cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm thì chức năng phòng hộ và điều hòa chế độ giữ nước đã bị loại bỏ.

- Đất rừng đặc dụng ở Đắk Nông ngoài chức năng chung là bảo vệ môi trường sinh thái, đất rừng này còn được sử dụng chủ yếu vào mục đích nghiên cứu, thí nghiệm khoa học, bảo tồn

thiên nhiên và đa dạng sinh học, vườn rừng quốc gia, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh. Do đó, quỹ đất rừng này phải được bảo vệ chặt chẽ, tuyệt đối tránh chuyển đổi mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

- Đất rừng sản xuất với mục đích chính là sản xuất lâm nghiệp (sản xuất gỗ, củi) do đó nếu chuyển sang trồng cây ăn quả, trồng cây công nghiệp lâu năm thì có thể chấp nhận được hay không sẽ phụ thuộc vào lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

3.4. Một số giải pháp sử dụng hợp lý, hiệu quả đất lâm nghiệp và sản xuất nông nghiệp

a. Nhóm giải pháp về chính sách.

- Hoàn thiện các chính sách về giao đất SXNN cho các hộ gia đình cá nhân trong trường hợp đã ổn định trên phần đất đã giao cho các công ty lâm nghiệp. Qua điều tra ở tỉnh Đắk Nông cho thấy hiện tại diện tích đất lâm nghiệp có rừng đã giao cho các Công ty Lâm nghiệp toàn tỉnh là 213.517 ha, trong đó diện tích đất người dân đang sinh hoạt và canh tác sản xuất nông nghiệp đã chiếm tới 58.284 ha do đó cần tách những diện tích này ra khỏi các công ty lâm nghiệp và trả về cho người dân.

- Cần rà soát và điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp phù hợp với thực tế sản xuất lâm nghiệp và quy hoạch KT-XH của tỉnh vì tính từ thời điểm phê duyệt Quy hoạch phân chia 3 loại rừng đến nay nhiều nơi đã không còn phù hợp.

b. Nhóm giải pháp tổ chức thực hiện

- Tổ chức rà soát quy hoạch ổn định đối với đất lâm nghiệp, quản lý quy hoạch thống nhất theo hệ thống tiểu khu, khoảnh, lô trên bản đồ và cắm mốc ranh giới ba loại rừng, phân định rõ ràng phạm vi ranh giới quản lý của các chủ rừng trên thực địa.

- Rà soát và kiểm soát chặt các quy hoạch phát triển các loại cây công nghiệp do tình trạng tự phát về mở rộng diện tích những loại cây này trong thời gian qua.

- Đẩy mạnh xã hội hóa lâm nghiệp với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong xã hội, đặc biệt với những diện tích rừng sản xuất và những khu vực rừng sinh thái phục vụ du

lich để gắn trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ rừng

- Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và công ty lâm nghiệp nhà nước cần xây dựng các quy chế phối hợp với người dân, cụ thể theo hướng cùng chia sẻ trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và cùng hưởng lợi ích từ rừng trên cơ sở đóng góp của các bên.

- Đối với diện tích đất lâm nghiệp bị người dân tại chỗ lấn chiếm, canh tác nương rẫy sẽ thực hiện thí điểm giao cho các đơn vị chủ rừng và người dân tại chỗ thực hiện chính sách đồng quản lý rừng.

- Quản lý chặt chẽ tình trạng dân di cư tự do tại cả nơi đi và nơi đến. Các địa phương có dân đi cần tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, ổn định đời sống của người dân để giảm thiểu tình trạng di cư ra khỏi địa phương. Các địa phương có dân đến, tổ chức tuyên truyền, vận động người dân trở lại nơi cư trú cũ, trường hợp xác định người dân thực sự không có điều kiện về nơi ở cũ, thì tổ chức ổn định cuộc sống, giải quyết đất phù hợp với tình hình thực tế địa phương cho người dân tại các khu vực được quy hoạch ổn định tái định cư.

- Đánh giá, rà soát tình trạng thiếu đất sản xuất của các hộ, và đánh giá nhu cầu đất canh tác tối thiểu của các hộ; khuyến khích cộng đồng phát triển các cơ chế nhằm hạn chế những giao dịch về đất đai dẫn đến người dân nghèo bị mất đất (giao đất cho nhóm hộ, cho cộng đồng) sau đó lại phá rừng để lấy đất canh tác.

- Chỉ thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng khi việc chuyển mục đích đó đã có trong quy hoạch, kế hoạch bảo vệ phát triển rừng và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp thật sự cần thiết, không có biện pháp thay thế mới xem xét bổ sung quy hoạch, kế hoạch để chuyển mục đích sử dụng rừng.

c. Nhóm giải pháp kỹ thuật

- Xây dựng hệ thống thu thập thông tin về diễn biến đất lâm nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh. Hình thành cơ sở dữ liệu quản lý rừng và đất lâm nghiệp ở các cấp từ xã-huyện-tỉnh, gắn kết số liệu và bản đồ trên máy vi tính, cung cấp thông tin chính xác và tin cậy cao cho công tác

điều hành quản lý, lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư bảo vệ và phát triển rừng.

- Sớm triển khai, ứng dụng ảnh vệ tinh có độ phân giải cao (dưới 5 mét) trong việc quản lý, giám sát đất lâm nghiệp và việc mở rộng đất sản xuất nông nghiệp do hiện nay Việt Nam đã có vệ tinh thu nhận ảnh độ phân giải cao thường xuyên.

- Khai thác phải đảm bảo chức năng phòng hộ của rừng: Dù là loại rừng nào khi tiến hành khai thác vì lợi ích kinh tế cũng phải chú ý đến chức năng phòng hộ. Đặc biệt đối với loại rừng phòng hộ tự nhiên chỉ được phép chọn khai thác cây chết khô, cây đổ gãy, cây sâu bệnh cây cụt ngọn, cây già cỗi, ...

- Trồng rừng, phục hồi rừng, cải tạo rừng phòng hộ: Việc trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, cần được xây dựng thành khu rừng tập trung, liên vùng và để khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo vệ các khu rừng phòng hộ, cần ưu tiên trồng các loài có nhiều tác dụng, cho sản phẩm thu hoạch hàng năm: nhựa, hoa, lá, măng,... tăng thu nhập cho người dân

- Phát triển rừng sản xuất: Để rừng trồng đạt hiệu quả cao cần thực hiện phương châm “người sản xuất và người chế biến cùng trồng rừng”, có như vậy sẽ đáp ứng nhu cầu trực tiếp cho công nghiệp chế biến và muốn có nguồn nguyên liệu ổn định thì người chế biến sẽ phải tính việc đầu tư (đặt hàng), tạo ra mối quan hệ chặt chẽ lâu dài.

e. Nhóm giải pháp tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức

- Tuyên truyền giáo dục nhân dân về ý thức bảo vệ rừng đầu nguồn của các sông suối lớn, bảo vệ các vành đai rừng quanh các hồ nước phục vụ cho thủy điện và sản xuất nông nghiệp

- Kết hợp tuyên truyền pháp luật với việc trực tiếp hướng dẫn cụ thể cho dân đặc biệt là việc canh tác đất sản xuất nông nghiệp vì hiện nay đời sống đồng bào các dân tộc và dân di cư ở tỉnh còn nhiều khó khăn, trình độ văn hoá và dân trí còn hạn chế, còn mang nặng phong tục tập quán canh tác cổ truyền lạc hậu, chủ yếu là tự cung, tự cấp.

- Tuyên truyền gắn với thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo: Cần tuyên truyền sâu

rộng trong nhân dân, làm cho mọi người hiểu rõ vai trò và tác dụng to lớn của rừng.

- Tuyên truyền pháp luật đi đôi với đầu tư để nâng cao dân trí: Công tác khuyến nông, khuyến lâm với nội dung quan trọng hàng đầu là chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phải được thực hiện có hiệu lực bằng nhiều phương pháp thích hợp đối với đồng bào. Điều trước hết là phải quan tâm chăm lo hệ thống trường học, các trung tâm sinh hoạt văn hoá, chăm lo cơ sở hạ tầng như giao thông, lưới điện, hệ thống kênh mương tưới tiêu..., tiếp tục phổ cập giáo dục, xoá mù chữ cho người dân, đặc biệt là dân di cư tự do là người dân tộc.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Từ năm 2000 đến 2012, diện tích đất lâm nghiệp có rừng đã giảm 131.725 ha (trong đó rừng phòng hộ mất 64.376 ha, rừng sản xuất mất 68.168 ha và rừng đặc dụng tăng 820 ha). Đất sản xuất nông nghiệp tăng 164.468 ha, trong đó tập trung tăng mạnh vào đất nương rẫy và cây công nghiệp lâu năm.

Việc tăng giảm đất sản xuất nông nghiệp và đất lâm nghiệp có mối tương quan chặt chẽ, các huyện có diện tích đất sản xuất nông nghiệp tăng thì diện tích đất lâm nghiệp giảm.

Trong nhóm đất sản xuất nông nghiệp, những loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có tác động ít đến đất rừng trong quá trình mở rộng diện tích canh tác gồm những loại hình đất trồng chuyên lúa; đất lúa màu; đất chuyên màu và cây công nghiệp hàng năm. Những loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có tác động theo chiều hướng lấn vào đất rừng trong quá trình mở rộng diện tích canh tác gồm đất trồng cây hàng năm trên đất nương rẫy và loại hình cây công nghiệp dài ngày. Riêng đối với loại hình cây ăn quả cũng gián tiếp lấn vào đất rừng trong quá trình mở rộng diện tích.

Việc mất rừng và gia tăng đất sản xuất nông nghiệp có mối tương quan chặt chẽ với sự gia tăng dân số theo hướng dân số tăng, đất sản xuất nông nghiệp tăng và đất lâm nghiệp giảm.

4.2. Kiến nghị

a. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền tỉnh Đắk Nông và các tỉnh có dân di cư tự

do nhằm mục đích đào tạo, tuyên truyền nhằm giảm thiểu tình trạng dân di cư tự do rất khó kiểm soát như hiện nay.

b. Rà soát lại quỹ đất rừng một cách chính xác từ đó xây dựng lại phương án quy hoạch phân chia 3 loại rừng do hầu hết các tiêu chí đến nay không phù hợp.

c. Rà soát tổng thể lại từng loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp nếu có xâm phạm vào quỹ đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thì cần kiên quyết trả lại quỹ đất rừng.

d. Tăng cường công tác quản lý và giám sát chặt chẽ nhằm giữ nguyên diện tích rừng cũng như độ che phủ như hiện tại, tập trung khoanh nuôi tái sinh và làm giàu rừng trên những diện tích còn rừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2012). Báo cáo số 4321/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 13/11/2012 về rà soát số liệu kiểm kê đất đai năm 2011.
- Dương Văn Duy và cs (2010). Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng đất bền vững trồng cây công nghiệp lâu năm vùng Tây nguyên. Hà Nội
- Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông các năm 2004, 2005, 2012, NXB MTV Đắk Lắk.
- Nguyễn Huy Hoàng (2009). Các giải pháp quản lý hành chính nhà nước nhằm bảo vệ và phát triển bền vững rừng Tây Nguyên, Luận án tiến sĩ quản lý hành chính công.
- Nguyễn Thanh Phương và Trương Công Cường (2012), Thực trạng canh tác trên đất dốc tỉnh Đắk Nông, Viện KHKT Nông nghiệp Duyên Hải Nam Trung Bộ.
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông (2013). Báo cáo số 371 /BC-TNMT ngày 11/4/2013 về thuyết minh số liệu thống kê đất đai năm 2012.
- Sở NN&PTNT tỉnh Đắk Nông (2013). Báo cáo 431/BC-SNN ngày 6/5/2013 về kết quả rà soát, đánh giá các dự án chuyển đổi rừng sang cây trồng khác và các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
- Tổng cục Quản lý đất đai (2010). Dự án “Điều tra, đánh giá thoái hóa đất vùng Tây Nguyên phục vụ quản lý sử dụng đất bền vững”.
- UBND tỉnh Đắk Nông (2013). Báo cáo 282/BC-UBND ngày 23/7/2013 về tình hình dân di cư tự do và triển khai các dự án ổn định dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.
- Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (2006). Dự án “Điều tra bổ sung, chỉnh lý và xây dựng bản đồ đất tỉnh Đắk Nông”.